

Số: **350/2021/QĐST-HNGĐ**

Tân phú, ngày 05 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 27/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Phạm Tố U., sinh năm 1997; địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Ông Nguyễn Văn N., sinh năm 1995; địa chỉ: Số X2, đường Y2, phường Z2, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Tố U. và ông Nguyễn Văn N. tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận kết hôn số 38, ngày 19/6/2019.

Thời gian đầu cả hai chung sống hạnh phúc. Nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, lối sống không hòa hợp, thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi vã về chi tiêu, cách chăm sóc con chung dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Cả hai đã ly thân và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau từ năm 2020 đến nay. Cả hai đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, do đó bà Phạm Tố U. và ông Nguyễn Văn N. yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Phạm Tố U. và Ông Nguyễn Văn N. có 01 (một) con chung là trẻ Nguyễn Đức Nh., sinh ngày 02/11/2019. Sau khi ly hôn, cả hai thỏa thuận bà Phạm Tố U. được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Nguyễn Đức Nh., sinh ngày 02/11/2019. Ông Nguyễn Văn N. cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 3.000.000 đồng,

thời điểm cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 5 năm 2021 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: Bà U. và Ông N. cùng xác nhận không có tài sản chung.

[4] Về các vấn đề khác: Bà U. và Ông N. cùng xác nhận không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Tố U. và ông Nguyễn Văn N. thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của Bà Phạm Tố U. và ông Nguyễn Văn N. theo giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 19/6/2019 tại Ủy ban nhân dân xã A., huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, chấm dứt kể từ ngày quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Bà Phạm Tố U. và Ông Nguyễn Văn N. có 01 (một) con chung là trẻ Nguyễn Đức Nh., sinh ngày 02/11/2019. Sau khi ly hôn, cả hai thỏa thuận bà Phạm Tố U. được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Nguyễn Đức Nh., sinh ngày 02/11/2019. Ông Nguyễn Văn N. cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 3.000.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 5 năm 2021 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

+ Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

+ Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3. Về tài sản chung: Bà U. và ông N. cùng xác nhận không có tài sản chung.

1.4. Về các vấn đề khác: Bà U. và ông N. cùng xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà U. và ông N. cùng phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà U. và ông N. đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0071626 ngày 12/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Tố U. và ông Nguyễn Văn N. đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lâm Đức Tài